

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2025

MA TRẬN , BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – HÓA HỌC 11
MÔN: HÓA HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

MA TRẬN

Chủ đề lựa chọn	Nhận thức hóa học							Tìm hiểu thế giới tự nhiên						Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học						Tổng	
	BIẾT		HIỂU					BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG			BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG					
	HH1.1	HH1.2	HH1.2	HH1.3	HH1.4	HH1.5	HH1.6	HH2.1	HH2.1	HH2.2	HH2.2	HH2.3	HH2.4			HH3.1	HH3.2	HH3.3	HH3.4	HH3.5	
Dẫn xuất halogen	2	2	3	1														1			9
Alcohol	3	2	2	2						1						1					11
Phenol	4	1	2							1						1					9
Hợp chất carbonyl	3	2	3	2												1					11
TỔNG LH	12	7	10	5						2						3		1			40
TỔNG LH THEO TPNL	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC							HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN						HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC – KĨ NĂNG							
	34							2						4							
TỔNG LH THEO CẤP ĐỘ	BIẾT							HIỂU						VẬN DỤNG							
	18							18						4							
	45%							45%						10%							

BẢNG ĐẶC TẢ

Chủ đề lựa chọn	Dạng thức	Nhận thức hóa học							Tìm hiểu thế giới tự nhiên							Vận dụng kiến thức						
																– kĩ năng đã học						
		BIẾT		HIỂU					BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG				
		HH1.1	HH1.2	HH1.2	HH1.3	HH1.4	HH1.5	HH1.6	HH2.1	HH2.1	HH2.2	HH2.2	HH2.3	HH2.4	HH2.5			HH3.1	HH3.2	HH3.3	HH3.4	HH3.5
Dẫn xuất halogen	Phần I	1	1	1	1																	
	Phần II	1	1	1																1		
	Phần III			1																		
Alcohol	Phần I	2	1		1						1											
	Phần II	1	1	1	1																	
	Phần III			1														1				
Phenol	Phần I	2	1	1																		
	Phần II	2		1							1											
	Phần III																	1				
Hợp chất carbonyl	Phần I	2	1	1	1																	
	Phần II	1	1	1	1																	
	Phần III			1														1				

NỘI DUNG CHI TIẾT

1	Dẫn xuất halogen – alcohol - phenol	Dẫn xuất halogen	Nhận biết: - Nêu được khái niệm dẫn xuất halogen, công thức chung dẫn xuất halogen, xác định được dẫn xuất halogen (HH1.1) - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí của một số dẫn xuất halogen. (HH1.1) - Nêu được ứng dụng của các dẫn xuất halogen. (HH1.2) - Xác định số đồng phân dẫn xuất halogen, no, đơn chức, mạch hở. (HH1.2) Thông hiểu: - Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của dẫn xuất halogen: Phản ứng thế nguyên tử halogen (với OH⁻); Phản ứng tách hydrogen halide theo quy tắc Zaisev. (HH1.2) - Viết được công thức cấu tạo, gọi được tên theo danh pháp thay thế (C1 – C5) và danh pháp thường của một vài dẫn xuất halogen thường gặp. (HH1.3) - Mô tả được các hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hoá học của dẫn xuất halogen. (HH2.4) Vận dụng Đưa ra được tác hại, cách ứng xử thích hợp đối với việc lạm dụng các dẫn xuất halogen trong đời sống và sản xuất (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất kích thích tăng trưởng thực vật, việc sử dụng các hợp chất chlorofluorocarbon (CFC) trong công nghệ làm lạnh. (HH3.3)
		Alcohol	Nhận biết: - Nêu được khái niệm alcohol (HH1.1) - Nêu được công thức tổng quát của alcohol no, đơn chức, mạch hở (HH1.1) - Nêu được bậc của alcohol (HH1.1) - Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí của alcohol (trạng thái, xu hướng của nhiệt độ sôi, độ tan trong nước), (HH1.2) - Xác định số đồng phân alcohol no, đơn chức, mạch hở. (HH1.2) Thông hiểu: - Giải thích được ảnh hưởng của liên kết hydrogen đến nhiệt độ sôi và khả năng hoà tan trong nước của các alcohol. (HH1.6) - Trình bày được tính chất hoá học của alcohol: Phản ứng thế nguyên tử H của nhóm –OH (phản ứng chung của R–OH, phản ứng riêng của polyalcohol); Phản ứng tạo thành alkene hoặc ether; Phản ứng oxi hoá alcohol bậc I, bậc II thành aldehyde, ketone bằng CuO; Phản ứng đốt cháy. (HH1.2) - Trình bày được ứng dụng của alcohol, tác hại của việc lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn; (HH1.2) - Trình bày được phương pháp điều chế ethanol bằng phương pháp hydrate hoá ethylene, lên men tinh bột; điều chế glycerol từ propylene. (HH1.2) - Viết được công thức cấu tạo, gọi được tên theo danh pháp thay thế một số alcohol đơn giản (C1 – C5), tên thông thường một vài alcohol thường gặp. (HH1.3) - Mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hoá học của alcohol. (HH2.4) Vận dụng: - Vận dụng kiến thức alcohol để làm bài toán lên men tinh bột. (HH3.1)
		Phenol	Nhận biết: - Nêu được khái niệm về phenol (HH1.1) - Nêu được tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, độ tan trong nước) của phenol. (HH1.1) - Nêu được tên gọi, công thức cấu tạo một số phenol đơn giản, đặc điểm cấu tạo và hình dạng phân tử của phenol. (HH1.1) - Trình bày được ứng dụng của phenol và điều chế phenol (từ cumene và từ nhựa than đá). (HH1.2) Thông hiểu: - Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của phenol: Phản ứng thế H ở nhóm –OH (tính acid: thông qua phản ứng với sodium hydroxide, sodium carbonate), phản ứng thế ở vòng thơm (tác dụng với nước bromine, với HNO₃ đặc trong H₂SO₄ đặc). (HH1.2)

			– Mô tả được thí nghiệm của phenol với sodium hydroxide, sodium carbonate, với nước bromine, với HNO_3 đặc trong H_2SO_4 đặc; mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hoá học của phenol. (HH2.2) Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về phenol để giải quyết các bài toán có liên quan. (HH3.1)
2	Hợp chất carbonyl (Aldehyde – ketone – carboxylic acid)	Hợp chất carbonyl	Nhận biết: – Nêu được khái niệm hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone). (HH1.1) – Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ sôi, tính tan) của hợp chất carbonyl. (HH1.1) – Trình bày được ứng dụng của hợp chất carbonyl và phương pháp điều chế acetaldehyde bằng cách oxi hoá ethylene, điều chế acetone từ cumene. (HH1.2) Thông hiểu: – Gọi được tên theo danh pháp thay thế một số hợp chất carbonyl đơn giản (C1 – C5); tên thông thường một vài hợp chất carbonyl thường gặp. (HH1.3) – Mô tả được đặc điểm liên kết của nhóm chức carbonyl, hình dạng phân tử của methanal, ethanal. (HH1.3) – Trình bày được tính chất hoá học của aldehyde, ketone: Phản ứng khử (với NaBH_4 hoặc LiAlH_4); Phản ứng oxi hoá aldehyde (với nước bromine, thuốc thử Tollens, $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$); Phản ứng cộng vào nhóm carbonyl (với HCN); Phản ứng tạo iodoform. (HH1.2) – Mô tả được các thí nghiệm: phản ứng tráng bạc, phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$, phản ứng tạo iodoform từ acetone; mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hoá học của hợp chất carbonyl và xác định được hợp chất có chứa nhóm CH_3CO^-. (HH2.2) Vận dụng: – Vận dụng kiến thức về phenol để giải quyết các bài toán có liên quan. (HH3.1)